TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HS-ST
Ngày 30-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T D - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thị Ái

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Ông Nguyễn Minh Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quang Lương Hùng- Thư ký Toà án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Hoàng Thái Minh- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 126/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **L V T**, tên gọi khác: Không có**;** Sinh ngày 25 tháng 9 năm 1985, tại huyện T D, tỉnh Nghệ An**;** Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Bản S H, xã T Q, huyện T D, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: 12/12**;** Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: L V L và con bà L Th H; Vợ: L T T, con: 03 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **L T T**, tên gọi khác: Không có**;** Sinh ngày 08 tháng 8 năm 1988, tại huyện T D, tỉnh Nghệ An**;** Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Bản S H, xã T Q, huyện T D, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: 12/12**;** Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: L D Đ và con bà Tr Th H; Chồng: L V T, con: 03 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo L V T*: Bà Hoàng Thị Hà – Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt

- *Người bào chữa cho bị cáo L T T*: Bà Hoàng Thị Thu Hằng– Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt

- *Nguyên đơn dân sự*: Ủy ban nhân dân xã T Q, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: Bà K Th H – Chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền của bà K Th H: Ông Q V M – chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T Q. Có mặt

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Ph V Ng, sinh năm 1966, trú tại: Bản S H, xã T Q, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Có đơn xét xử vắng mặt

+ Bà L Th O, sinh năm 1966, trú tại: Bản S H, xã T Q, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Có đơn xét xử vắng mặt

+ Bà Ng Th T, sinh năm 1969, trú tại: Bản S H, xã T Q, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Có đơn xét xử vắng mặt

- *Người làm chứng*: Phan Thị Tần. Có mặt

Chị K Th H, L Th T, Q Th T, Ph Th P, L Th H, bà V Th L, chị L Th T. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4 năm 2023, vợ chồng L V T và L T T, sinh năm 1988, cùng trú tại bản S H, xã T Q, huyện T D thấy khu vực rừng thuộc lô 91, khoảnh 1, tiểu khu 694, thuộc quản lý của ông Ph V Ng không trồng trọt gì nên nảy sinh ý định mượn đất để trồng keo. Quá trình bàn bạc, Th và Tha nhầm lẫn khu vực rừng trên thuộc quản lý của hộ gia đình bà Ng Th T nên sau đó, Th đi một mình đến nhà bà T hỏi mượn đất rừng để trồng keo thì bà T cũng nhầm lẫn khu vực trên thuộc quyền sử dụng của mình nên đồng ý và thống nhất sau này khi bán được keo thì Th sẽ chia cho bà T một khoản tiền. Sau khi mượn được đất, Th quay về nhà nói Tha thuê người phát rẫy. Sau đó, Tha tìm đến nhà những người trú cùng bản, gồm: K Th H, L Th T, Q Th T, Ph Th P, L Th H để thuê đi phát rẫy với mức tiền công 200.000 đồng/người/ngày thì được những người này đồng ý. L Th T rủ thêm bà V Th L đi làm cùng. Sáng ngày 15/4/2023, Th đến nhà vợ chồng ông Ph V Ng, bà L Th O và nói hai người này đi cùng lên khe Vôi Nhỏ để chỉ ranh giới giữa đất rừng của hộ bà T và hộ ông Ng. Do nhầm lẫn nên ông Ng nghĩ khu vực rừng Th mượn thuộc quyền quản lý của bà Ng Th T, đồng thời lên chỉ ranh giới cho vợ chồng Th. Sau khi ông Ng và bà O chỉ ranh giới đất rừng xong thì Th thuê luôn bà O phát tuyến, đào hố, chôn cọc làm hàng rào cùng với người dân trong bản mà Tha đã thuê trước đó. Quá trình đó, bà Phan Thị Tần thấy Th làm hàng rào bao quanh khu vực đất của bà T trong có đó cả rẫy keo của mình nên đã đến tham gia chặt cây, làm hàng rào giúp Th trong buổi sáng ngày đầu tiên. Đến ngày hôm sau, do không tham gia làm hàng rào cùng Th được nên Tần đã thuê L Th T đến giúp Th làm hàng rào. Quá trình vợ chồng L V T, L T T và những người được thuê

chặt phát rừng, Th sử dụng máy cưa xăng cưa hạ những cây gỗ to và sử dụng dao chặt phát những cây nhỏ, còn những người được thuê dùng dao chặt những cây gỗ nhỏ và cây bụi. Sau mỗi buổi làm việc, Th về nhà đọc tên những người làm thuê cho Tha ghi vào sổ chấm công, vì bận ở nhà chăm con nhỏ nên Tha không trực tiếp tham gia chặt phát. Sau khoảng hơn 10 ngày thì chặt phát xong nên Tha trả tiền công cho Q Th T số tiền 1.800.000 đồng, Ph Th P số tiền 600.000 đồng, L Th O số tiền 200.000 đồng. Đối với những người còn lại, do bận công việc nên Tha đã gửi cho Tần tổng cộng 2.100.000 đồng để Tần trả cho K Th H số tiền 600.000 đồng, V Th L số tiền 300.000 đồng, L Th H và L Th T mỗi người 600.000 đồng.

Đến khoảng 09 giờ ngày 17/6/2023, Th mang theo bật lửa đi đến khu vực đã chặt phát để đốt rẫy, khi thấy lửa cháy gần hết thì Th đi về nhà. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, lực lượng kiểm lâm địa bàn xã T Q phát hiện sự việc nêu trên, đã đến hiện trường và lập hồ sơ để xử lý. Ngày 07/8/2023, Hạt Kiểm lâm huyện T D chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T D tiếp nhận.

Ngày 08/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T D phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân huyện T D, Hạt kiểm lâm huyện T D, Ủy ban nhân dân (UBND) xã T Q, Ban quản lý bản S H và các cá nhân có liên quan tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ việc, kết quả xác định:

Khu vực rừng bị L V T và L T T chặt phát làm rẫy thuộc lô 91, khoảnh 1, tiểu khu 694.

Tổng diện tích rừng bị chặt phá và đốt cháy là 11.606 m^2 (*mười một nghìn sáu trăm linh sáu mét vuông*).

Tổng khối lượng các gốc cây: 0,294m^3 *(không phẩy hai trăm chín mươi tư mét khối).*

Tổng khối lượng các lóng cây: 1,266m^3 *(một phẩy hai trăm sáu mươi sáu mét khối).*

Trạng thái rừng thực tế lúc kiểm tra: Rừng lá rộng thường xanh nghèo kiệt (TXK).

Tại công văn số 3407/SNN-KL ngày 05/9/2023 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An và công văn số 1100/UBND-NL ngày 30/8/2023 của UBND huyện T D đều thể hiện:

Căn cứ bản đồ quy hoạch 3 loại rừng được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2024 thì lô 91, khoảnh 1, tiểu khu 694 là khu vực rừng tự nhiên thuộc quy hoạch rừng sản xuất.

Căn cứ bản đồ của ngành Lâm nghiệp tại các quyết định: Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của UBND huyện T D và Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công bố số liệu hiện trạng rừng năm 2022 trên địa bàn huyện T D thì vị trí lô 91, khoảnh 1, tiểu khu

694 thuộc thửa đất số 264, tờ bản đồ số 2, chủ rừng là hộ gia đình ông Ph V Ng, địa chỉ thường trú: bản S H, xã T Q, huyện T D, tỉnh Nghệ An (đã được giao đất, giao rừng tại Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND huyện T D về việc giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân tại xã T Q, huyện T D, tỉnh Nghệ An).

Căn cứ Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của UBND huyện T D về việc phê duyệt và công bố hiện trạng rừng huyện T D năm 2022; Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt và công bố hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2022, xác định lô 91, khoảnh 1, tiểu khu 694 có trạng thái rừng là Rừng lá rộng thường xanh nghèo (TXN).

Căn cứ kết quả đo đếm, lập ô tiêu chuẩn thực tế tại hiện trường theo quy định tại Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng, xác định lô 91, khoảnh 1, tiểu khu 694 có trạng thái rừng là Rừng lá rộng thường xanh nghèo kiệt (TXK).

- Tại bản kết luận giám định số 674/CNR-VP ngày 30/10/2023 của Viện Nghiên cứu Công nghiệp rừng, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam phản ánh:

Căn cứ kết quả phân tích cấu tạo thô đại và hiển vi của 42 (bốn mươi hai) mẫu giám định do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T D cung cấp, có ký hiệu riêng MG1 đến MG19, MG20.1, MG20.2, ML1 đến ML19, ML20.1, ML20.2, được ghi số đăng ký mẫu giám định của Viện Nghiên cứu Công nghiệp rừng lần lượt từ 23317-1 đến 23317-42 (Biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định ngày 16/10/2023), kiểm tra so sánh với cơ sở dữ liệu các loài gỗ, mẫu tham chiếu, tài liệu, kết luận: 42 (bốn mươi hai) mẫu giám định thuộc 03 (ba) chủng loại gỗ khác nhau, gồm **Chẹo tía** (*Engelhardtia roxburghiana),* **Dẻ gai** (*Castanopsis* sp.) và **Thành ngạnh** (*Cratoxylum* sp.).

Ba loài cây gỗ nêu trên không có tên trong "*Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm*" ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; "*Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ*" ban hành kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ và các phụ lục của "*Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp* (CITES)*"* ban hành kèm theo Thông báo số 25/TB-

CTVN ngày 17/02/2023 của Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nên ***là loài cây gỗ thông thường.***

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 165/KLĐG ngày 15/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T D phản ánh: Tại thời điểm ngày 15/4/2023:

+ 30 gốc chặt, lóng cây loại Chẹo tía thuộc nhóm gỗ VI, có tổng khối lượng 0,958 m^3 có giá trị 766.400 đồng (*bảy trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm đồng*).

+ 06 gốc và lóng cây loại Dẻ gai thuộc nhóm gỗ V, có tổng khối lượng 0,243m^3 có giá trị là 194.400 đồng (*một trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm đồng*).

+ 06 gốc và lóng cây loại Thành ngạnh thuộc nhóm gỗ VII, có tổng khối lượng 0,359m^3 có giá trị là 287.200 đồng (*hai trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm đồng*).

Tổng giá trị tài sản cần định giá là: **1.248.000 đồng** (*một triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

Bản cáo trạng số 03/CT-VKS-TD ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T D đã truy tố các bị cáo L V T, L T T về tội: "Hủy hoại rừng" theo điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố của Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

+ Điểm đ khoản 2 Điều 243, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự để xử phạt: Bị cáo L V T mức án từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù nhưng được hưởng án treo thời gian thử thách là 05 năm về tội "Hủy hoại rừng";

+ Điểm đ khoản 2 Điều 243, điểm b,s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự để xử phạt: Bị cáo L T T mức án mức án từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù nhưng được hưởng án treo thời gian thử thách là 05 năm về tội "Hủy hoại rừng".

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và hình phạt bổ sung cho các bị cáo; xử lý vật chứng theo đúng quy định của pháp luật.

Người bào chữa không có ý kiến tranh luận với bản luận tội và đề xuất: Hội đồng xét xử xem xét đến việc nhận thức pháp luật của các bị cáo đang còn hạn chế, cư trú ở vùng sâu, vùng xa nên lượng hình ở mức thấp hơn theo đề nghị của Kiểm sát viên đối với bị cáo L V T, bị cáo L T T cụ thể là L V T mức án từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; L T T mức án từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng nhưng cho hưởng án treo; miễn án phí hình sự sơ thẩm và hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện xã T Q trình bày: Bị cáo L T T và bị cáo L V T bồi thường thiệt hại cho Ủy ban nhân dân xã T Q số tiền 1.100.000đ. Tại phiên tòa Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện xã T Q không yêu cầu các bị cáo L T T và bị cáo L V T bồi thường.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Ph V Ng, bà L Th O không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến gì tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an huyện T D, tỉnh Nghệ An, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo L V T, L T T đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của đại diện nguyên đơn dân sự, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ. Vì vậy có đủ cơ sở để khẳng định: Trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2023 đến giữa tháng 6 năm 2023, tại khu vực rừng thuộc lô 91, khoảnh 1, tiểu khu 694 thuộc bản S H, xã T Q, huyện T D, là khu vực rừng tự nhiên thuộc quy hoạch rừng sản xuất. Chủ quản lý của khu vực rừng là: Ông Ph V Ng, sinh năm 1966 và bà L Th O, sinh năm 1966, trú tại bản S H, xã T Q, huyện T D, L V T và L T T đã có hành vi chặt phá rừng trái phép với tổng diện tích là 11.606 m^2 rừng tự nhiên thuộc quy hoạch rừng sản xuất, gây thiệt hại 1,56m^3 mét khối gỗ. Hành vi các bị cáo đã thực hiện và diện tích rừng bị hủy hoại đã cấu thành tội: Hủy hoại rừng. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự.

Chính vì vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T D đã truy tố các bị cáo L V T, L T T theo tội danh và Điều luật, viện dẫn ở trên là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Tính chất, mức độ hậu quả của vụ án: Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm hại nghiêm trọng đến môi trường rừng, môi trường sinh sống của các loài động, thực vật, gây mất cân bằng hệ sinh thái, khí quyển. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do hám lợi nên vẫn cố ý hủy hoại rừng để lấy đất trồng trọt. Nên cần phải có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tính chất răn đe phòng ngừa chung, đặc biệt tình hình hủy hoại rừng đang diễn ra phức tạp tại huyện T D nói riêng và tỉnh Nghệ An nói chung.

Xét vai trò đồng phạm của các bị cáo trong vụ án thì thấy: Các bị cáo thực hiện tội phạm thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, câu kết một cách chặt chẽ. Bị cáo Th và bị cáo Tha là vợ chồng có vai trò như nhau trong vụ án nên cần lên mức hình phạt ngang nhau là thỏa đáng.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối cải, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả số tiền 1.100.000đ cho Ủy ban nhân dân xã T Q, huyện T D, tỉnh Nghệ An; các bị cáo là người dân tộc thiểu số một phần hạn chế hiểu biết pháp luật, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bố đẻ bị cáo L V T là người có công với cách mạng được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự Xét thấy, các bị cáo không có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn, mục đích bị cáo phát rừng là để trồng cây lâm nghiệp cải thiện đời sống kinh tế gia đình chứ không nhằm mục đích khai thác lâm sản. Hội đồng xét xử thấy không cần Th phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội, chỉ cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tính răn đe, giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Hình phạt bổ sung**:** Kết quả xác minh tài sản của các bị cáo chỉ đủ duy trì cuộc sống Th yếu hàng ngày và không có tài sản nào được tạo lập từ việc phạm tội nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, Người bào chữa miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo L V T, L T T đã tự nguyện bồi thường Ủy ban nhân dân xã T Q số tiền 1.100.000đ. Đại diện Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì về mặt dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng vụ án:

- 01 (một) máy cưa xăng nhãn hiệu SPADA SL-5200M, vỏ màu cam, đã qua sử dụng thu giữ của L V T, là vật chứng vụ án cần bán đấu giá sung ngân sách nhà nước .

- 01 (một) con dao dài 44cm, phần lưỡi dao làm bằng kim loại màu đen dài 26cm, phần rộng nhất 6cm, phần hẹp nhất 3cm; phần cán dao làm bằng gỗ, hình trụ, có chiều dài 18cm, đường kính 3cm thu giữ của L V T, là vật chứng vụ án không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy

- 15 (mười lăm) lóng cây loài Chẹo tía (*Engelhardtia roxburghiana*), có khối lượng 0,766m^3 (*không phẩy bảy trăm sáu mươi sáu mét khối*); 03 (ba) lóng cây loài Dẻ gai (*Castanopsis* sp.), có khối lượng 0,193m^3 (*không phẩy một trăm chín mươi ba mét khối*); 03 (ba) lóng cây loài Thành ngạnh (*Cratoxylum* sp.), có khối lượng 0,307m^3 (*không phẩy ba trăm linh bảy mét khối*) không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Đối với bà Phan Thị Tần, quá trình điều tra xác định có hành vi chặt phá rừng, đốt rừng trái phép tuy nhiên thiệt chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện T D đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Tần về hành vi "Phá rừng trái pháp luật"; về hành vi trực tiếp làm và thuê người chặt phát cây, làm hàng rào giúp L V T, L T T cũng như hành vi trả hộ tiền công cho những người làm thuê, do Tần không tham gia bàn bạc, trao đổi từ trước và không hưởng lợi gì nên không có đủ căn cứ xử lý.

Đối với K Th H; L Th T; Q Th T; Ph Th P; V Th L; L Th O; L Th T và L Th H là những người đã chặt phát rừng thuê cho L V T và L T T, do tất cả những người này không nhận thức được loại rừng, chủ quản lý rừng là ai mà chỉ làm thuê nhằm lấy tiền công nên không có đủ căn cứ để xử lý.

Đối với ông Ph V Ng là người quản lý trực tiếp đối với khu vực rừng đã bị huỷ hoại, do ông Ng bị nhầm lẫn trong việc xác định khu vực rừng của ông Ng và bà Ng Th T nên dẫn đến việc L V T, L T T chặt phát rừng của ông Ng. Ngoài ra, ông Ng không tham gia vào việc phát rẫy, đốt rừng nên không đủ căn cứ xử lý.

Đối với bà Ng Th T là người cho L V T và L T T mượn đất rừng, do quá trình thỏa thuận thì bà T chỉ cho Th và Tha mượn đất để trồng keo, còn việc Th và Tha chặt phát, đốt rừng là do Th và Tha tự ý thực hiện, bà T không cho phép và không tham gia vào việc chặt phát, đốt rừng nên không có căn cứ xử lý.

[9] Án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, gia đình thuộc hộ cận nghèo nên Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên, Người bào chữa miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo. Các bị cáo, Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 243, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt: L V T 02 (*Hai*) năm 09 (*Chín*) tháng tù nhưng được hưởng án treo thời gian thử thách là 05 (*Năm*) năm về tội *"Hủy hoại rừng"*, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 243, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt: L T T 02 (*Hai*) năm 09 (*Chín*) tháng tù nhưng được hưởng án treo thời gian thử thách là 05 (*Năm*) năm về tội *"Hủy hoại rừng"*, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo L V T, L T T cho UBND xã T Q, huyện T D, tỉnh Nghệ An nơi các bị cáo thường trú giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tiêu hủy: 01 (một) con dao dài 44cm, phần lưỡi dao làm bằng kim loại màu đen dài 26cm, phần rộng nhất 6cm, phần hẹp nhất 3cm; phần cán dao làm bằng gỗ, hình trụ, có chiều dài 18cm, đường kính 3cm;

- Bán đấu giá sung ngân sách nhà nước: 01 (một) máy cưa xăng nhãn hiệu SPADA SL-5200M, vỏ màu cam, đã qua sử dụng thu giữ của L V T.

(Đặc điểm và tình trạng vật chứng như trong biên bản giao nhận ngày 27.12.2023 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T D, tỉnh Nghệ An và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An);

- Tiêu hủy: 15 (mười lăm) lóng cây loài Chẹo tía, có khối lượng 0,766m^3; 03 (ba) lóng cây loài Dẻ gai, có khối lượng 0,193m^3; 03 (ba) lóng cây loài Thành ngạnh, có khối lượng 0,307m^3 (Hiện đang được Ủy ban nhân dân xã T Q, huyện T D, tỉnh Nghệ An trông coi, bảo quản theo biên bản làm việc ngày 08/08/2023 giữa ủy ban nhân dân xã T Q và Công an huyện T D).

[3] Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo L V T, L T T.

[4] Quyền khánh cáo: Các bị cáo, Nguyên đơn dân sựcó mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 30/01/2024. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận :
- TAND, VKSND tỉnh NA;
- VKS H. T D;
- Công an T D;
- Các bị cáo; Người bào chữa;
- Người CQLVNVLQ;
- Nguyên đơn dân sự;
- UBND xã T Q;
- Sở Tư Pháp Nghệ An;
- Chi cục THADS T D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Ái